

**TỔNG CÔNG TY MAY HUNG YÊN- CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**SỐ 8 - BẠCH ĐẰNG - P. MINH KHAI - TP. HUNG YÊN**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2021**

*Hưng Yên, tháng 04 năm 2022*

# MỤC LỤC

|  |           |
|--|-----------|
| <b>I. Thông tin chung</b> .....  | <b>2</b>  |
| <b>1. Thông tin khái quát</b> .....  | <b>2</b>  |
| <b>2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:</b> .....  | <b>4</b>  |
| <b>3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý</b> .....            | <b>4</b>  |
| 3.1 Mô hình quản trị của Tổng công ty .....  | 4         |
| 3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý của Tổng công ty: .....  | 5         |
| 3.3 Các công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty: .....                                  | 6         |
| <b>4. Định hướng phát triển</b> .....  | <b>7</b>  |
| <b>5. Các rủi ro</b> .....   | <b>7</b>  |
| <b>II. Tình hình hoạt động trong năm 2021</b> .....  | <b>7</b>  |
| <b>1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh</b> .....  | <b>7</b>  |
| <b>2. Tổ chức và nhân sự</b> .....   | <b>9</b>  |
| 3.1) Tình hình đầu tư năm 2021: .....  | 10        |
| 3.2) Các công ty con, công ty liên kết: .....  | 10        |
| <b>4. Tình hình tài chính</b> .....  | <b>11</b> |
| 4.1 Tình hình tài chính: .....   | 11        |
| 4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu: .....  | 11        |
| <b>5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu</b> .....                             | <b>11</b> |
| 5.1 Cổ phần:.....  | 11        |
| 5.2 Cơ cấu cổ đông:.....   | 12        |
| 5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: <i>Không thay đổi</i> .....                  | 12        |
| 5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không .....  | 12        |
| 5.5 Các chứng khoán khác: Không.....   | 12        |
| <b>6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty</b> .....                | <b>12</b> |
| 6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu: .....  | 12        |
| 6.2 Tiêu thụ năng lượng .....  | 12        |
| 6.3. Tiêu thụ nước:.....   | 12        |
| 6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường .....   | 13        |
| 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động.....  | 13        |
| 6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.....                       | 14        |
| 6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của.....               | 14        |
| <b>III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc</b> .....   | <b>14</b> |
| <b>1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh</b> .....                                 | <b>14</b> |
| <b>2. Tình hình tài chính</b> .....  | <b>15</b> |
| <b>3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý</b> .....                          | <b>15</b> |
| <b>4. Kế hoạch phát triển trong tương lai</b> .....  | <b>15</b> |
| <b>5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không</b> .....                    | <b>15</b> |
| <b>6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty</b> ..... | <b>15</b> |
| <b>IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty</b> .....                       | <b>17</b> |
| <b>1/ Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty</b> .....                | <b>17</b> |
| <b>2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty</b> .....           | <b>18</b> |
| <b>3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị</b> .....                                 | <b>18</b> |
| <b>V. Báo cáo tài chính</b> .....  | <b>18</b> |
| <b>1. Ý kiến kiểm toán: Ý kiến chấp nhận toàn bộ</b> .....                                     | <b>18</b> |
| <b>2. Báo cáo tài chính được kiểm toán</b> .....   | <b>18</b> |

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**TỔNG CÔNG TY MAY HUNG YÊN – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**Năm 2021**

**I. Thông tin chung**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: **Tổng công ty May Hưng Yên – Công ty cổ phần**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: *0900108038 cấp lần đầu ngày 4/1/2005, thay đổi lần thứ 11 ngày 08/10/2020.*
- Vốn điều lệ: 162.597.250.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 162.597.250.000 đồng
- Địa chỉ: Số 8 đường Bạch Đằng, phường Minh Khai, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, Việt nam
- Số điện thoại: 0221 862314                      - Website: hugaco.vn

***Quá trình hình thành và phát triển***

Tiền thân của Tổng Công ty là Xí nghiệp May Xuất khẩu Hải Hưng, trực thuộc TOCONTAP – Bộ Ngoại Thương, được thành lập từ năm 1966.

***Giai đoạn trước năm 2000***

Do ra đời trong hoàn cảnh đất nước đang có chiến tranh, trong 10 năm (từ năm 1966 đến năm 1975), xí nghiệp phải tổ chức sản xuất trong điều kiện sơ tán, gặp nhiều khó khăn. Có thời điểm công nhân của Xí nghiệp phải làm đêm và nghỉ ngày để tránh sự phá hoại.

Năm 1976, sau khi rời địa điểm sơ tán, Công ty được chuyển về đường Trung Trắc, Minh Khai, Thị xã Hưng Yên để xây dựng cơ sở mới. Trong giai đoạn này, việc tổ chức sản xuất và chăm lo đời sống cho công nhân còn gặp nhiều khó khăn do điều kiện thiết bị và công nghệ lạc hậu; cơ chế quản lý của Nhà nước đang trong giai đoạn tìm ra hướng đi phù hợp. Tuy nhiên, Công ty vẫn duy trì sản xuất, mạnh dạn cùng các doanh nghiệp dệt may tham gia sản xuất hàng gia công cho Liên Xô thông qua Hiệp định 19/5 để đổi lấy hàng hóa, nhằm cải thiện đời sống cho người lao động. Dù còn nhiều khó khăn, nhưng Công ty vẫn hoàn thành mục tiêu kế hoạch kinh doanh.

Từ năm 1990, trước chính sách đổi mới và phát triển kinh tế của Đảng và sự khủng hoảng chính trị ở Đông Âu làm mất thị trường xuất khẩu hàng may mặc, Công ty May Hưng Yên đã mở thêm cơ sở sản xuất ở trục Quốc lộ 5 thuộc huyện Mỹ Hào, Hưng Yên để mở rộng thị trường vào Tây Âu và Nhật Bản. Cùng với sự giúp đỡ của bạn bè trong và ngoài nước, trong giai đoạn từ năm 1990 đến năm 2000, Công ty đã vượt qua khó khăn, củng cố sản xuất và mở thêm 2 nhà máy mới, nâng giá trị sản xuất công nghiệp tăng lên 2,5 lần, tạo thêm việc làm cho gần 3.000 lao động. Mức thu nhập của người lao động trong giai đoạn này đã đi vào ổn định và phát triển.

### ***Giai đoạn 2000 – 2010***

Trong giai đoạn 2000 - 2010, Công ty đã mở rộng sản xuất tại Hưng Yên và cùng tham gia xây dựng thêm 4 nhà máy, nâng giá trị doanh thu hàng năm đạt trên 1.000 tỷ đồng, tạo thêm việc làm cho gần 5.000 lao động, đưa số lao động trong toàn hệ thống lên trên 10.000 người. Trong thời kỳ này, Công ty liên tục cải tiến phương thức quản lý, áp dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ; đầu tư đổi mới thiết bị và cải tạo nhà xưởng; áp dụng nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật vào quản lý vào sản xuất qua đó nâng cao năng suất lao động và thu nhập cho người lao động. Năm 2004 công ty được cổ phần hóa và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Năm 2005, Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần May Hưng Yên. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 04/01/2005 với vốn điều lệ ban đầu là 13.500.000.000 đồng, đến nay vốn điều lệ công ty là 162.597.250.000 đồng.

### ***Giai đoạn 2010 – hiện nay***

Từ tháng 7 năm 2011, Công ty CP May Hưng yên đổi tên thành Tổng Công ty May Hưng Yên – Công ty Cổ phần. Trong giai đoạn này, Công ty luôn áp dụng tối đa các thành tựu khoa học, công nghệ tiến tiến vào sản xuất; đồng thời đào tạo chọn lọc nguồn nhân lực để chuẩn bị đội ngũ kế cận trong quá trình mở rộng sản xuất. Với kinh nghiệm tích lũy trong việc mở rộng sản xuất và mong muốn tạo thêm nhiều việc làm cho lao động nông thôn, Tổng Công ty tiếp tục xây dựng thêm 4 nhà máy mới với tổng vốn đầu tư 122 tỷ đồng, tạo thêm việc làm cho 2.000 lao động, đưa tổng số lao động trong toàn hệ thống lên 15.000 người. Đồng thời, việc phát triển sản xuất ở các công ty đã đầu tư trong giai đoạn trước đã góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong toàn Tổng Công ty. Tính đến cuối 2020, Tổng vốn chủ sở hữu của các công ty trong toàn hệ thống đã tăng lên trên 700 tỷ đồng, kim ngạch xuất khẩu đạt 580 triệu USD, doanh thu usd đạt trên 115 triệu USD, tổng lợi nhuận đạt mức 350 tỷ đồng.

Ngoài việc nâng cao mức thu nhập bình quân cho người lao động đạt gần 8 triệu đồng/người/tháng (năm 2015), năm 2016 đạt 8 triệu đồng/người/tháng, năm 2017 đạt trên 8 triệu đồng/người/tháng, năm 2018 đạt 9,0 triệu đồng/người/tháng, năm 2019 và 2020 đạt 9,5 triệu đồng/người/tháng. Năm 2021, trước ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh covid -19 nhưng Tổng công ty vẫn đảm bảo được việc làm cho người lao động, đảm bảo tiền lương, tiền thưởng và các chế độ phúc lợi khác cho người lao động. Thu nhập bình quân trong năm 2021 đạt: 10,2 triệu đồng/người/tháng, thưởng tết trung bình đạt 20 triệu đồng/người.

Trong những năm tiếp theo, căn cứ định hướng phát triển của ngành Dệt may Việt Nam đến năm 2025, Tổng Công ty May Hưng Yên sẽ tiếp tục tập trung nguồn lực, duy trì và phát triển công ty. Tập trung phát triển nguồn nhân lực, xây dựng lộ trình và phương án sản xuất theo hướng FOB, ODM.

Ngày 29/11/2017, Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP được Trung tâm Lưu

ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 218/2017/GCNCP-VSD và cấp mã chứng khoán là HUG. Ngày 18/12/2017, Tổng công ty may Hưng Yên chính thức giao dịch trên sàn Upcom.

**2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, gia công các mặt hàng may mặc...

- Địa bàn kinh doanh: Trong nước và xuất khẩu, thị trường xuất khẩu chủ yếu:

USA 65%, EU 25%

**3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

**3.1 Mô hình quản trị của Tổng công ty:**

Đại hội đồng cổ đông

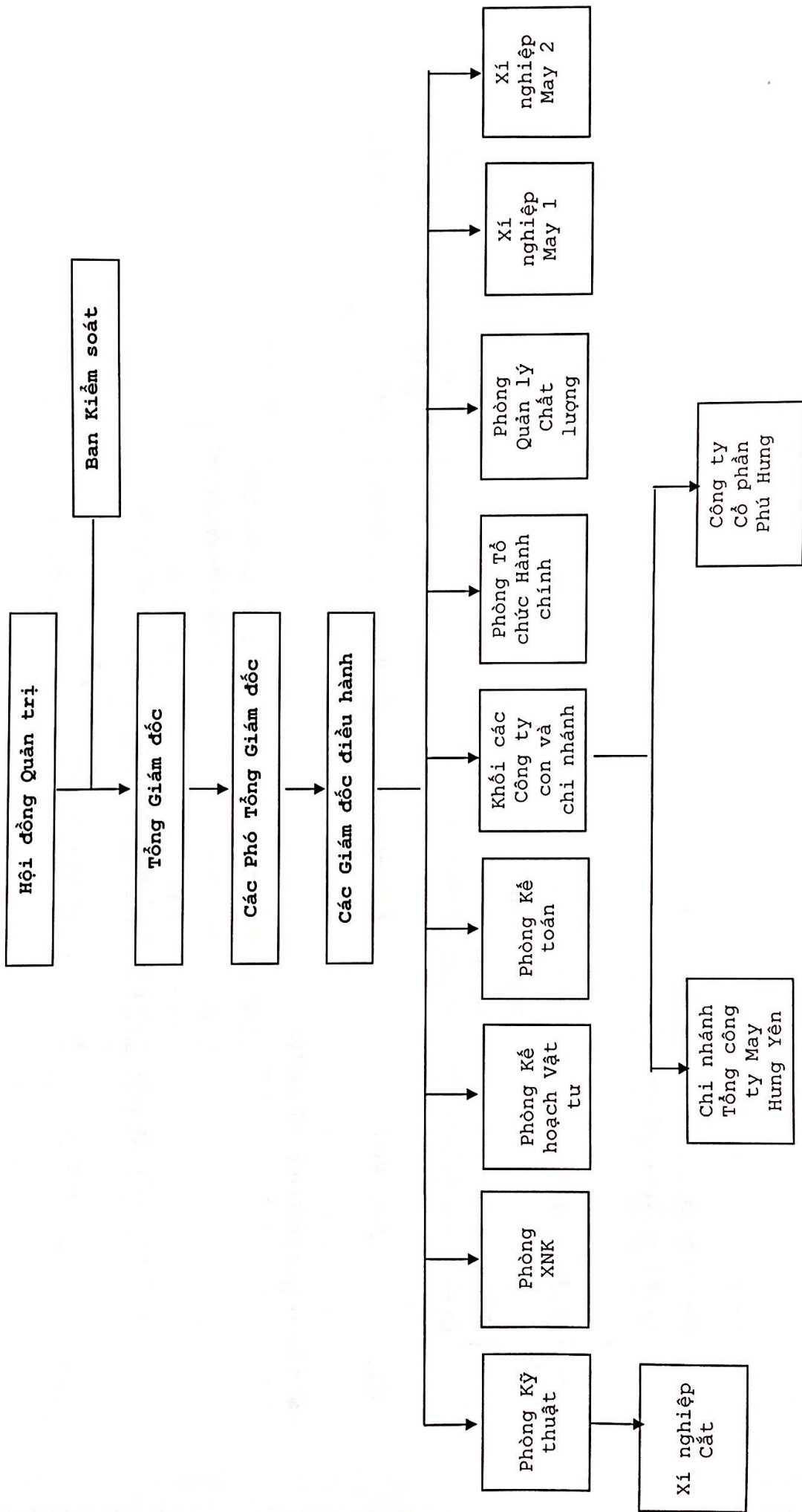
Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Ban điều hành (Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành)

Các phòng ban tham mưu, các xí nghiệp sản xuất

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý của Tổng công ty:



### 3.3 Các công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty:

- Các công ty con của Tổng công ty:

| STT | Tên công ty              | Thông tin liên hệ   | Số Giấy CNĐKDN,<br>Ngành nghề kinh doanh  | Vốn góp của Hugaco (tỷ đồng) | Tỷ lệ vốn góp của Hugaco |
|-----|--------------------------|---|---|------------------------------|--------------------------|
| 1   | Công ty Cổ phần Phú Hưng | Xã Đình Cao, Huyện Phù Cừ,<br>Tỉnh Hưng Yên<br>SDT: 04.38626796<br>Fax: 04.38626767 | Giấy CNĐKDN số:<br>0107386444<br>Sân xuất, xuất nhập khẩu<br>các sản phẩm may mặc | 13,770                       | 51%                      |

- Các công ty liên kết của Tổng công ty:

| STT | Tên Công ty                                  | Địa chỉ   | Ngành nghề kinh doanh        | Vốn góp của Hugaco (tỷ đồng) | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|--|---|------------------------------|------------------------------|--------------|
| 1   | Công ty Cổ phần May Xuất<br>khẩu Ninh Bình   | Số 490 Nguyễn Công Trứ,<br>Thành phố Ninh Bình,<br>Tỉnh Ninh Bình           | Sân xuất sản phẩm dệt<br>may | 16,19                        | 42,5%        |
| 2   | Công ty Cổ phần Tiên Hưng                    | Thị trấn Vương, Huyện<br>Tiên Lữ, Tỉnh Hưng Yên                             | Sân xuất sản phẩm dệt<br>may | 10,96                        | 29,05%       |
| 3   | Công ty Cổ phần May Xuất<br>khẩu Ninh Bình 2 | Khu làng nghề, Phường<br>Ninh Phong, Thành phố<br>Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình | Sân xuất sản phẩm dệt<br>may | 09                           | 30%          |

#### **4. Định hướng phát triển**

##### **Các mục tiêu chính Công ty**

- Ổn định thị trường cũ, phát triển thị trường mới tiềm năng, tận dụng các cơ hội mà các hiệp định mà Việt nam đã ký kết đem lại như hiệp định kinh tế Á-Âu, CPTPP, EVFTA , UKVFTA đổi mới công tác quản lý và đổi mới công nghệ để thích nghi với xu hướng mới của thị trường

- Đào tạo và nâng cao kỹ năng, trình độ của đội ngũ công nhân, nhân viên, cán bộ quản lý các cấp đáp ứng yêu cầu kinh doanh trong giai đoạn mới, chuyển dần sang kinh doanh theo hình thức mua nguyên liệu, bán sản phẩm (FOB). Từng bước thâm nhập và phát triển thị trường trong nước cùng với việc phát triển theo hướng sản xuất ODM, FOB.

- Tiếp tục đầu tư đổi mới công nghệ theo xu hướng của cuộc cách mạng công nghệ 4.0, mở rộng phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động, giảm giờ làm thêm.

- Nâng cao thu nhập và tăng cường chăm lo đời sống mọi mặt cho người lao động.

- Tăng cường công tác rèn luyện tác phong công nghiệp, giáo dục ý thức trách nhiệm công dân cho cán bộ, công nhân viên trong toàn tổng công ty.

- Nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật liên quan tới các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty đối với toàn thể cán bộ, công nhân viên để Doanh nghiệp có nhiều cơ hội kinh doanh thuận lợi hơn trong thời gian tới

##### **Các mục tiêu phát triển bền vững:**

Tuân thủ luật Tài nguyên môi trường, thực hiện tốt các chính sách xã hội thông qua việc tuân thủ luật lao động, luật BHXH và các luật khác có liên quan, đóng góp, chia sẻ các hoạt động xã hội, cộng đồng (trợ cấp học sinh có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ các trung tâm đào tạo trẻ em khuyết tật, hỗ trợ nhân dân ở vùng thiên tai, vùng sâu, vùng xa...)

#### **5. Các rủi ro**

- Rủi ro về nhân sự: Thị trường lao động liên tục biến động, đặc biệt là lao động thuộc ngành dệt may khi các doanh nghiệp FDI liên tục đầu tư vào Việt Nam, chính vì vậy việc giữ chân người lao động và công tác quản trị nhân sự tại Tổng công ty May Hưng Yên được đặc biệt quan tâm. Trong nhiều năm qua, Tổng công ty không ngừng nghiên cứu và hoàn thiện các chính sách chăm sóc, đãi ngộ nhằm đảm bảo lợi ích tốt nhất cho người lao động.

- Các rủi ro về thị trường; rủi ro về tỷ giá; rủi ro về lãi suất, bảo hiểm; rủi ro về cuộc cách mạng khoa học công nghệ 4.0

## **II. Tình hình hoạt động trong năm 2021**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

#### **1.1 Thuận lợi:**

Tổng công ty may Hưng Yên trải qua gần 56 năm xây dựng và phát triển đã trở thành một thương hiệu mạnh. Tạo được niềm tin với khách hàng. Xây dựng tốt mối quan hệ lao động hài hòa. Có uy tín với chính quyền địa phương.



Dưới sự lãnh đạo chỉ đạo kịp thời của Chính phủ. Lãnh đạo Tổng công ty có những giải pháp thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát dịch bệnh Covid – 19 một cách hiệu quả. Trước sự diễn biến của thị trường, Lãnh đạo công ty đã kịp thời điều chỉnh cơ cấu thị trường và mặt hàng; đưa ra những phương án sản xuất phù hợp để duy trì việc làm, bảo toàn đội ngũ lao động. Người lao động thích ứng nhanh với việc sản xuất các sản phẩm mới mà thị trường cần; tuân thủ nghiêm ngặt các qui định về phòng chống dịch bệnh, tiếp tục tin tưởng, gắn bó, chia sẻ những khó khăn của doanh nghiệp.

### 1.2 Khó khăn:

Năm 2021 là năm tiếp tục bị ảnh hưởng nghiêm trọng do đại dịch Covid – 19 đã làm cho nền kinh tế toàn cầu sa sút, từ đó đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam và ngành may, cụ thể:

- Ngành may từ tháng 1 đến tháng 4 năm 2021 phải làm các đơn hàng đã ký từ cuối năm trước nên đơn giá thấp, giá gia công giảm tới 20%, 30% và 40%.

- Việc thanh toán của khách hàng từ 15 ngày, khách hàng xin chậm trả từ 02 tháng đến 03 tháng.

- Đại dịch Covid - 19 đã ảnh hưởng trực tiếp đến 1 bộ phận người lao động và ảnh hưởng đến tâm lý của người lao động. Đồng thời một bộ phận công nhân lao động có trình độ văn hóa, tác phong làm việc, kỹ năng nghề nghiệp còn hạn chế làm ảnh hưởng đến hoạt động chung của doanh nghiệp.

- Chi phí Logistic tiếp tục tăng cao, cuộc khủng hoảng năng lượng diễn ra trên quy mô toàn cầu và phát sinh các chi phí mới dẫn tới chi phí đầu vào của doanh nghiệp cao, giảm khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam với các nước trong khu vực.

- Tỷ giá Việt Nam đồng /USD giảm bình quân 3%/năm làm doanh thu giảm tương ứng khoảng 15 tỷ. Ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh trong năm.

Tuy nhiên, với tinh thần chủ động, sáng tạo, đoàn kết và linh hoạt, sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo nên Tổng công ty nên DN đã vượt qua những khó khăn trong năm 2021, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt các mặt công tác đạt được kết quả khá.

### KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI TỔNG CÔNG TY MAY HƯNG YÊN

| S<br>tt | Chỉ tiêu                   | ĐVT    | Thực<br>hiện 2020 | Kế hoạch<br>2021 | Thực<br>hiện 2021 | So sánh tỷ lệ<br>% |       |
|---------|----------------------------|--------|-------------------|------------------|-------------------|--------------------|-------|
|         |                            | 1      | 2                 | 3                | 4                 | 5=4/3              | 6=4/2 |
| 1       | Doanh thu                  | USD    | 18,015,848        | 16,000,000       | 21,231,284        | 133%               | 118%  |
| 2       | Doanh thu bán hàng         | Trđồng | 578,649           | 465,000          | 708,711           | 152%               | 122%  |
| 4       | Lợi nhuận trước thuế       | Trđồng | 72,209            | 40,000           | 84,175            | 210%               | 117%  |
| 4       | Thu nhập BQ<br>người/tháng | Đồng   | 9,500,000         | 9,500,000        | 10.200,000        | 107%               | 107%  |

|   |  |        |        |        |        |      |      |
|---|--|--------|--------|--------|--------|------|------|
| 5 | Nộp ngân sách                                    | Trđồng | 21,459 | 13,000 | 22,537 | 173% | 105% |
| 6 | Đầu tư thiết bị, lắp đặt trạm điện, điều hòa ..) | Trđồng | 30,533 | 20,000 | 31,100 | 156% | 102% |
| 7 | Lao động bình quân                               | Người  | 2,158  | 2,000  | 2,074  | 104% | 96%  |

## 2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

| Tt | Họ và tên           | Chức vụ | Năm sinh   | Hộ khẩu thường trú   | Số CMND  |
|----|---------------------|---------|------------|--|--|
| 1  | Phạm Thị Phương Hoa | TGD     | 26/4/1967  | Số 54 Vũ Trọng Phụng, P. Lê Lợi, Tp Hưng Yên, T. Hưng Yên        | Số:145278636<br>Ngày cấp: 30/10/2008<br>Nơi cấp:CA T.Hung Yên  |
| 2  | Phạm Thị Lan Hương  | Phó TGD | 20/7/1964  | Số 4 Lê Lai, P. Lê Lợi, Tp Hưng Yên, T. Hưng Yên                 | Số: 145410209<br>Ngày cấp: 04/05/2007<br>Nơi cấp:CA T.Hung Yên |
| 2  | Nguyễn Văn Trung    | Phó TGD | 11/8/1966  | Số 56 Đông thành, P.Quang trung, Thành phố Hưng yên, T. Hưng yên | Số: 145229356<br>Ngày cấp: 17/10/2008<br>Nơi cấp:CA T.Hung Yên |
| 3  | Chu Hữu Nghị        | Phó TGD | 31/10/1971 | TT Bắc thành, Quang Trung, TP Hưng yên, T. Hưng yên              | Số: 145274917<br>Ngày cấp: 20/02/2004<br>Nơi cấp:CA T.Hung Yên |
| 4  | Bùi Thị Lý          | Phó TGD | 20/10/1966 | số 24, Trung nhị, Thành phố Hưng yên, Hưng Yên                   | Số: 145163469<br>Ngày cấp: 10/11/2005<br>Nơi cấp:CA T.Hung Yên |

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Ban điều hành và cán bộ quản lý trong năm 2021:

| Stt | Họ và tên           | Số cp   | Thành tiền    | Tỷ lệ |
|-----|---------------------|---------|---------------|-------|
| 1   | Phạm thị Phương Hoa | 157,160 | 1,571,600,000 | 0.97% |
| 2   | Nguyễn Văn Trung    | 187,411 | 1,874,110,000 | 1.15% |
| 3   | Phạm thị Lan Hương  | 155,622 | 1,556,220,000 | 0.96% |
| 4   | Chu Hữu Nghị        | 39,537  | 395,370,000   | 0.24% |
| 5   | Bùi thị Lý          | 69,295  | 692,950,000   | 0.43% |
| 6   | Trần thị Hường      | 8,227   | 82,270,000    | 0.05% |
| 7   | Hoàng thị Hường     | 19,446  | 194,460,000   | 0.12% |
| 8   | Hoàng Xuân Nam      | 36,000  | 360,000,000   | 0.22% |
| 9   | Trần Văn Chinh      | 36,207  | 362,070,000   | 0.22% |
| 10  | Vũ thị Giáng Hương  | 22,800  | 228,000,000   | 0.14% |

|              |                     |                |                      |              |
|--------------|---------------------|----------------|----------------------|--------------|
| 11           | Nguyễn Thuý Hiền    | 1,152          | 11,520,000           | 0.01%        |
| 12           | Đinh thị Thu Hương  | 23,044         | 230,440,000          | 0.14%        |
| 13           | Hoàng thị Thanh     | 45,067         | 450,670,000          | 0.28%        |
| 14           | Nguyễn văn Đại      | 17,688         | 176,880,000          | 0.11%        |
| 15           | Đoàn Văn Học        | 14,143         | 141,430,000          | 0.09%        |
| 16           | Nguyễn thị Hà       | 33,868         | 338,680,000          | 0.21%        |
| 17           | Trần Thị Thanh Bình | 10,344         | 103,440,000          | 0.06%        |
| 18           | Phạm Ngọc Hoàn      | 3,819          | 38,190,000           | 0.02%        |
| 19           | Đặng Thị Nhung      | 8,601          | 86,010,000           | 0.05%        |
| 20           | Vũ thị Yến          | 13,333         | 133,330,000          | 0.08%        |
| 21           | Nguyễn Thị Nam Hải  | 14,360         | 143,600,000          | 0.09%        |
| 22           | Trương thị Phương   | 24,056         | 240,560,000          | 0.15%        |
| 23           | Nguyễn Văn Việt     | 10,814         | 108,140,000          | 0.07%        |
| 23           | Nguyễn Thị Nụ       | 1,800          | 18,000,000           | 0.01%        |
| 23           | Nguyễn Thị Sứ       | 9,595          | 95,950,000           | 0.06%        |
| <b>Cộng:</b> |                     | <b>963,389</b> | <b>9,633,890,000</b> | <b>5.93%</b> |

- Những thay đổi trong ban điều hành: Trong năm 2021, Ban điều hành Tổng công ty May Hưng Yên không có sự thay đổi như sau

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 2.074 lao động

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

#### 3.1) Tình hình đầu tư năm 2021:

#### 3.2) Các công ty con, công ty liên kết:

\*/ Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con:

*Đơn vị tính: VNĐ*

| Stt | Tên Công ty              | Doanh thu       | LN sau thuế   | Ghi chú |
|-----|--------------------------|-----------------|---------------|---------|
| 1   | Công ty cổ phần Phú Hưng | 113.126.447.203 | 2.295.958.207 |         |

\*/ Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên kết:

*Đơn vị tính: VNĐ*

| Stt | Tên Công ty                        | Doanh thu       | LN sau thuế    | Ghi chú |
|-----|------------------------------------|-----------------|----------------|---------|
| 1   | Công ty cổ phần May XK Ninh Bình   | 90.780.105.297  | 5.513.962.598  |         |
| 2   | Cổ ty cổ phần Tiên Hưng            | 859.016.426.274 | 86.797.436.432 |         |
| 3   | Công ty cổ phần May XK Ninh Bình 2 | 38.533.046.489  | 1.821.839.306  |         |

#### 4. Tình hình tài chính

##### 4.1 Tình hình tài chính:

Tại Công ty mẹ:

| Chỉ tiêu                          | Năm 2021        | Năm 2020        | Tỷ lệ % |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|---------|
| Tổng giá trị tài sản              | 604,859,167,476 | 554,126,718,921 | 109%    |
| Doanh thu thuần                   | 708,711,264,693 | 578,649,168,774 | 122%    |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 83,573,301,045  | 71,797,593,454  | 116%    |
| Lợi nhuận khác                    | 602,542,124     | 411,650,545     | 146%    |
| Lợi nhuận trước thuế              | 84,175,843,169  | 72,209,243,999  | 117%    |
| Lợi nhuận sau thuế                | 68,282,898,198  | 63,727,752,768  | 107%    |

##### 4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu  | Đơn vị tính | Năm 2021 | Năm 2020 |
|---|-------------|----------|----------|
| <i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>                 |             |          |          |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn                               | Lần         | 1.33     | 1.37     |
| + Hệ số thanh toán nhanh:                                 | Lần         | 1.13     | 1.14     |
| <i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>                          |             |          |          |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản                                   | %           | 52.6     | 46.0     |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                                 | %           | 110.8    | 85.2     |
| <i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>                  |             |          |          |
| + Vòng quay hàng tồn kho                                  | Vòng        | 1.88     | 2.17     |
| + Doanh thu thuần/Tổng tài sản                            | Lần         | 1.17     | 1.00     |
| <i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>                   |             |          |          |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                | %           | 9.6      | 14.1     |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu                 | %           | 23.8     | 26.1     |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản                   | %           | 11.3     | 14.1     |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | %           | 11.8     | 16.1     |

#### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

##### 5.1 Cổ phần:

| Tổng số cổ phần | Loại cổ phần      | Số lượng cp chuyển nhượng tự do | Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng |
|-----------------|-------------------|---------------------------------|--|
| 16.259.725      | Cổ phần phổ thông | 16.259.725                      | 0                                      |

## 5.2 Cơ cấu cổ đông:

| Stt | Cơ cấu cổ đông            | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|---------------------------|------------------|--------------------------|--------------|
| I   | Tập đoàn Dệt May Việt Nam | 01               | 5.692.135                | 35,01 %      |
| II  | Cổ đông khác              | 860              | 10.567.590               | 64,99 %      |
| 1   | Cá nhân trong nước        | 857              | 10.537.590               | 64,81 %      |
| 2   | Tổ chức trong nước        | 01               | 30.000                   | 0,18 %       |
| 3   | Cá nhân nước ngoài        | -                | -                        | -            |
| 4   | Tổ chức nước ngoài        | 02               | 900                      | 0,0055%      |
|     | <b>Tổng cộng:</b>         | <b>861</b>       | <b>16.259.725</b>        | <b>100%</b>  |

## 5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi

## 5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

## 5.5 Các chứng khoán khác: Không

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

### 6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Trong năm 2021, Công ty sử dụng nguyên liệu vải và phụ liệu các loại với tổng giá trị: 49.400.000 USD

### 6.2 Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

| Loại nhiên liệu | Khối lượng |     | Giá nhiên liệu |       | Mục đích sử dụng            |
|-----------------|------------|-----|----------------|-------|-----------------------------|
|                 |            |     |                |       |                             |
| Than Kíp lê     | 1.185      | Tấn | 3.900.000      | đ/tấn | Đốt lò hơi                  |
| Dầu diezen      | 3.448      | Lít | 15.102         | đ/lít | Dự phòng chạy máy phát điện |
| Xăng            | 10.274     | Lít | 18.702         | đ/lít | Chạy ô tô                   |
| Điện năng       | 4.792.658  | Kw  | 2.158          | đ/Kw  | Thắp sáng, chạy MMTB        |

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không

### 6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Nguồn cung nước: từ công ty CP kinh doanh nước sạch HY

Lượng nước sử dụng trong năm: 39.752 m<sup>3</sup>, giá trị: 625.1482.600 đồng

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không xác định

#### 6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

#### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Số lượng lao động: 2.074 lao động, mức lương bình quân 10.200.000 đ/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Với khẩu hiệu “Đời sống và thu nhập của người lao động là thước đo năng lực và đạo đức của người quản lý” vì vậy năm 2021 đời sống và thu nhập của người lao động tiếp tục được nâng cao. Cụ thể như sau:

- Duy trì mức ăn ca của người lao động ở mức từ 13.000đ/bữa (không bao gồm khí đốt)

- Mức thu nhập bình quân đạt trên 10,2 triệu đồng/người/tháng

- Đào tạo nghề miễn phí và cấp thêm tiền ăn 3 tháng cho lao động mới.

- Miễn phí tiền thuê nhà trọ 3 tháng cho công nhân mới vào làm việc.

- Phụ cấp tiền xăng xe cho mỗi lao động 8.000 đồng/người/ngày.

- Tham gia Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; mua bảo hiểm thân thể 24/24h cho 100% CBCNV.

- Khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBCNV Tổng công ty mỗi năm 2 lần, nhờ đó đã phát hiện và điều trị kịp thời cho CBCNV.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, đồng phục cho CBCNV.

- Quan tâm tới sức khỏe của người lao động tại nơi làm việc, tạo môi trường làm việc thoáng mát, sạch sẽ.

- Tổ chức tặng hoa và quà sinh nhật cho từng CBCNV theo từng ngày.

+ Thăm quan, du lịch: Năm 2021 do ảnh hưởng của dịch Covid – 19 nên công ty không tổ chức đi du lịch nhưng vẫn chi tiền nghỉ mát với tổng chi là 1,5 tỷ đồng.

+ Quan tâm và chăm lo đến thể hệ mầm non của công ty, đã trang bị đầy đủ các tiện nghi phù hợp với tiêu chuẩn của ngành học mầm non để dạy và chăm sóc trẻ từ 12 tháng tuổi trở lên. Con của CBCNV gửi tại nhà trẻ được phụ cấp 50% tiền ăn và học phí.

- Năm 2021, Tổng công ty thưởng cho 888 cháu là con CBCNV đạt thành tích cao trong học tập và tổ chức vui tết Trung thu, tết thiếu nhi cho các cháu là 365 triệu đồng.

c) Hoạt động đào tạo người lao động: Tổng công ty đặc biệt chú trọng tới công tác đào tạo nguồn nhân lực cả trước mắt và lâu dài:

Tổng công ty đã đặc biệt chú trọng tới công tác đào tạo nguồn nhân lực, cả trước mắt và lâu dài. Tuy năm 2021 do phải thực hiện giãn cách xã hội theo yêu cầu

của các cấp nhưng may Hưng Yên vẫn thực hiện được:

- Tuyển và đào tạo tại chỗ 267 lao động để bổ sung cho các chuyên may;
- Tổ chức 02 lớp nâng cao kỹ năng quản lý cho đội ngũ Tổ trưởng sản xuất;
- Tạo điều kiện tối đa cho cán bộ, công nhân viên có nhu cầu tự đăng ký tham gia các chương trình đào tạo phục vụ cho công việc.

Tổng kinh phí để đầu tư cho công tác đào tạo năm 2021 là 750 triệu đồng.

#### **6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

Năm 2021, đại đội tự vệ Tổng công ty giữ vững danh hiệu “Quyết thắng”. Luôn đảm bảo công tác an ninh nội bộ, bảo vệ tài sản của doanh nghiệp và của người lao động. Phối hợp, hợp đồng tác chiến với Công an thành phố và Công an phường sở tại để giữ gìn và đảm bảo an ninh trong công ty và khu vực.

Tổng công ty luôn thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, tham gia xây dựng nhà tình nghĩa cho người nghèo, người có công, ủng hộ quỹ xoá đói giảm nghèo, ủng hộ đồng bào bão lụt, ủng hộ covid. Tổng số tiền ủng hộ lên đến 1,5 tỷ đồng, nhất là trong dịp tết nguyên đán Tổng công ty phối hợp với thành phố tặng 400 suất quà cho gia đình khó khăn trong tỉnh. Tiếp tục trợ cấp cho 118 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn của tỉnh đến khi các cháu học hết PTTH.

#### **6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN**

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Trong năm 2021 hoạt động SXKD mặc dù phải đối diện với nhiều khó khăn thách thức do dịch bệnh covid -19 nhưng lãnh đạo Tổng công ty đã tổ chức thực hiện triệt để hàng loạt các giải pháp nhằm đẩy mạnh sản xuất kinh doanh cùng với sự nỗ lực, tận tâm, nhiệt huyết của toàn thể CBCNV hăng hái thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, phát huy tối đa các nguồn lực để hoàn thành tốt các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đề ra.

#### **Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 (công ty mẹ)**

*Đơn vị tính: VNĐ*

| <b>Chỉ tiêu</b>      | <b>Thực hiện năm 2020</b> | <b>Thực hiện năm 2021</b> | <b>TH 2021/TH 2020</b> |
|----------------------|---------------------------|---------------------------|------------------------|
| Doanh thu thuần      | 578,649,168,774           | 708,711,264,693           | 122%                   |
| Lợi nhuận trước thuế | 72,209,243,999            | 84,175,843,169            | 116%                   |
| Lợi nhuận sau thuế   | 63,727,752,768            | 68,282,898,198            | 107%                   |

#### **Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 (Hợp nhất)**

Đơn vị tính: VNĐ

| Chỉ tiêu             | Thực hiện năm 2020 | Thực hiện năm 2021 | TH 2021/ TH 2020 |
|----------------------|--------------------|--------------------|------------------|
| Doanh thu thuần      | 676,464,770,168    | 818,835,278,631    | 121%             |
| Lợi nhuận trước thuế | 79,037,163,178     | 99,238,274,929     | 125%             |
| Lợi nhuận sau thuế   | 70,392,473,522     | 83,035,497,584     | 117%             |

## 2. Tình hình tài chính

### 2.1 Tình hình tài sản

Tổng tài sản năm 2021:

- Công ty mẹ: Đầu năm : 554.126.718.921 đồng, cuối năm: 604.859.167.476 đồng

- Hợp nhất: Đầu năm: 649.961.031.690 đồng, cuối năm: 718.383.730.907 đồng

Như vậy trong năm 2021: +/Tổng tài sản công ty mẹ tăng khoảng 50,733 tỷ đồng

+/ Hợp nhất tăng khoảng: 68,422 tỷ đồng

### 2.2 Tình hình nợ phải trả năm 2021

Đơn vị tính: VNĐ

| Nợ phải trả | Số đầu năm      | Số cuối năm     | Tỷ lệ % |
|-------------|-----------------|-----------------|---------|
| Công ty mẹ  | 283,693,033,193 | 317,880,486,453 | 112%    |
| Hợp nhất    | 298,412,049,659 | 346,218,833,088 | 116%    |

Trong cơ cấu nợ phải trả của Tổng công ty chủ yếu là nợ ngắn hạn, không có khoản nào được tính là nợ xấu.

## 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

| Chỉ tiêu                              | Năm 2022        |
|---------------------------------------|-----------------|
| Doanh thu (VNĐ)                       | 750.000.000.000 |
| Lợi nhuận trước thuế (VNĐ)            | 80.000.000.000  |
| Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng) | Trên 10.000.000 |
| Chia cổ tức (%)                       | 15-20%          |

### 5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không

### 6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

\* Mức tiêu thụ năng lượng bình quân/tháng trong năm 2021

| Loại nhiên liệu | Khối lượng |     | Giá nhiên liệu |       | Mục đích sử dụng            |
|-----------------|------------|-----|----------------|-------|-----------------------------|
|                 |            |     |                |       |                             |
| Than Kíp lê     | 1.185      | Tấn | 3.900.000      | đ/tấn | Đốt lò hơi                  |
| Dầu diezen      | 3.448      | Lít | 15.102         | đ/lít | Dự phòng chạy máy phát điện |
| Xăng            | 10.274     | Lít | 18.702         | đ/lít | Chạy ô tô                   |



|           |           |                |        |                   |                      |
|-----------|-----------|----------------|--------|-------------------|----------------------|
| Điện năng | 4.792.658 | Kw             | 2.158  | đ/Kw              | Thấp sáng, chạy MMTB |
| Nước      | 39.752    | M <sup>3</sup> | 14.000 | Dd/m <sup>3</sup> | Nước sinh hoạt       |

**\* Phát thải:**

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Gồm rác trong quá trình chế biến của Nhà ăn ca và giấy vệ sinh, lá cây. Khối lượng phát sinh là 4.245 kg/tháng.

+ Chất thải sản xuất:

- Chất thải rắn thông thường: Gồm vải vụn, bông vụn, bìa catton ... khối lượng phát sinh là 20.000 kg/tháng.

- Chất thải nguy hại: Gồm bóng đèn huỳnh quang, hộp mực in, dầu nhờn thải, giẻ dính dầu và rác thải y tế. Khối lượng phát sinh/tháng là:

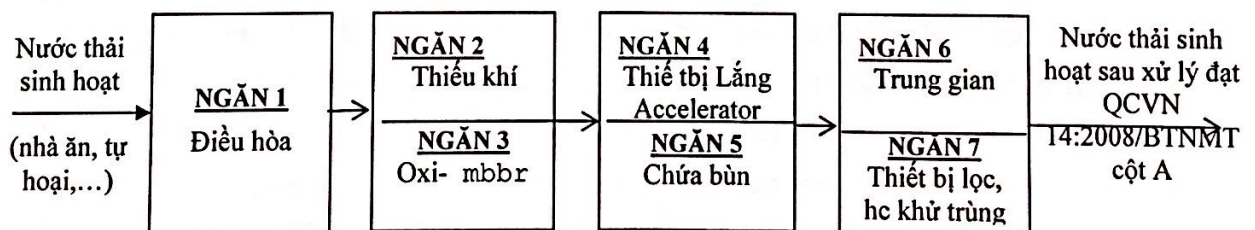
| TT           | Tên CTNH             | Trạng thái | Mã CTNH | Số lượng kg/tháng | Ghi chú |
|--------------|----------------------|------------|---------|-------------------|---------|
| 1            | Bóng đèn huỳnh quang | Rắn        | 160106  | 12                |         |
| 2            | Giẻ lau dính Dầu     | Rắn        | 180201  | 2                 |         |
| 3            | Chất thải y tế       | Rắn        | 130101  | 1.0               |         |
| 4            | Dầu nhờn thải        | Lỏng       | 170203  | 9                 |         |
| <b>Tổng:</b> |                      |            |         | <b>23.0</b>       |         |

**\* Xây dựng các công trình bảo vệ môi trường và tài nguyên:**

Công ty đã lập hồ sơ xin phép xả nước thải vào nguồn tiếp nhận và được Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép xả thải số 268/GP-STNMT ngày 15/7/2015.

Tổng công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải theo yêu cầu luật môi trường và các quy định của UBND Tỉnh Hưng Yên. Đảm bảo nước thải xử lý đạt QCVN 14: 2008/BTNMT (cột A) trước khi xả thải ra môi trường và thông báo bằng văn bản gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Công trình thu gom, xử lý nước thải:**



**Công trình xử lý bụi, khí thải:**

+ Khí thải phát sinh từ lò hơi đốt than được Công ty có hệ thống xử lý bằng phương pháp ướt và khí thải ra môi trường đều nằm trong giới hạn cho phép. Từ quý 4/2021, Công ty chuyển đổi từ lò hơi đốt than sang dùng điện nên không phát sinh khí thải tác động xấu đến môi trường.

+ Bụi phát sinh trong quá trình sản xuất được Công ty xử lý bằng phương pháp lọc đặt tại khu vực nhà xưởng sản xuất để xử lý.

\* Tiết kiệm năng lượng và tài nguyên bảo vệ môi trường:

Giáo dục ý thức tiết kiệm, sử dụng hợp lý, có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên như điện, nước bằng cách tuyên truyền, dán những khẩu hiệu nơi cần thiết.

Giáo dục CBCNV cách phân loại chất thải: Chất thải sinh hoạt, chất thải rắn có thể tái chế được, chất thải nguy hại.

Phấn đấu tiết kiệm năng lượng và tài nguyên bảo vệ môi trường có hiệu quả làm giảm chi phí cho doanh nghiệp nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Tại thời điểm tháng 31/12/2021, Tổng công ty may Hưng Yên có 2.074 lao động trong đó: Có 2.057 lao động tham gia BH.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Năm 2021, đại đội tự vệ Tổng công ty giữ vững danh hiệu “Quyết thắng”. Luôn đảm bảo công tác an ninh nội bộ, bảo vệ tài sản của doanh nghiệp và của người lao động. Phối hợp, hợp đồng tác chiến với Công an thành phố và Công an phường sở tại để giữ gìn và đảm bảo an ninh trong công ty và khu vực.

Tổng công ty luôn thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, tham gia xây dựng nhà tình nghĩa cho người nghèo, người có công, ủng hộ quỹ xoá đói giảm nghèo, ủng hộ đồng bào bão lụt, ủng hộ covid, ... Tổng số tiền ủng hộ lên đến 1,5 tỷ đồng, nhất là trong dịp tết nguyên đán Tổng công ty phối hợp với thanh phố tặng 400 suất quà cho gia đình khó khăn trong tỉnh. Tiếp tục trợ cấp cho 118 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn của tỉnh đến khi các cháu học hết PTTH.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

##### **1/ Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Trong năm 2021 hoạt động SXKD mặc dù phải đối diện với nhiều khó khăn thách thức, nhất là đại dịch covid -19 nhưng lãnh đạo Tổng công ty đã tổ chức thực hiện triệt để hàng loạt các giải pháp nhằm đẩy mạnh sản xuất kinh doanh như chuyển đổi 50% dòng hàng từ hàng thời trang có kết cấu phức tạp, sản lượng nhỏ sang hàng dệt kim có kết cấu đơn giản và số lượng lớn; cùng với sự nỗ lực, tận tâm, nhiệt huyết của toàn thể CBCNV. Do vậy trong năm 2021, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các mặt hoạt động khác của Tổng công ty đã đạt được những kết quả khả quan, hoàn thành tốt các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông giao, đời sống của người lao động không ngừng được cải thiện, vị thế và danh tiếng của Tổng công ty May Hưng Yên ngày càng được khẳng định

trên thương trường.

## 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Hội đồng quản trị đánh giá cao về tinh thần đoàn kết một lòng, thái độ trách nhiệm, tinh thần làm việc khoa học và quyết tâm cao của Ban giám đốc Tổng công ty; đã hoàn thành tốt tất cả các chỉ tiêu năm 2021, thực hiện tốt và đầy đủ các nhiệm vụ chiến lược của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

## 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Mục tiêu chiến lược phát triển của Tổng công ty trong thời gian tới:

1 - Ổn định thị trường cũ, phát triển thị trường mới tiềm năng, tận dụng các cơ hội mà các hiệp định mà Việt nam đã ký kết đem lại như hiệp định kinh tế Á-Âu, CPTPP, EVFTA , UKVFTA đổi mới công tác quản lý và đổi mới công nghệ để thích nghi với xu hướng mới của thị trường

2 – Đào tạo và nâng cao kỹ năng, trình độ của đội ngũ công nhân, nhân viên, cán bộ quản lý các cấp đáp ứng yêu cầu kinh doanh trong giai đoạn mới, chuyển dần sang kinh doanh theo hình thức mua nguyên liệu, bán sản phẩm (FOB). Từng bước thâm nhập và phát triển thị trường trong nước cùng với việc phát triển theo hướng sản xuất ODM, FOB.

3 - Tiếp tục đầu tư đổi mới công nghệ theo xu hướng của cuộc cách mạng công nghệ 4.0, mở rộng phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động, giảm giờ làm thêm.

4 – Nâng cao thu nhập và tăng cường chăm lo đời sống mọi mặt cho người lao động.

5 - Tăng cường công tác rèn luyện tác phong công nghiệp, giáo dục ý thức trách nhiệm công dân cho cán bộ, công nhân viên trong toàn tổng công ty.

6- Nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật liên quan tới các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty đối với toàn thể cán bộ, công nhân viên để Doanh nghiệp có nhiều cơ hội kinh doanh thuận lợi hơn trong thời gian tới

## V. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: Ý kiến chấp nhận toàn bộ.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán (Báo cáo tài chính công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất) bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính được đăng tải trên website: hugaco.vn.

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM THỊ PHƯƠNG HOA